

**CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (sau đây gọi là “Công ty”) được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Giao thông Công chính Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103007859 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/5/2005; thay đổi lần thứ 4 ngày 08/09/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư là 10.000.000.000 đồng. Chi tiết các cổ đông như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị (UDIC)	300.000	3.000.000.000	30%
Các cổ đông khác	700.000	7.000.000.000	70%
Cộng	1.000.000	10.000.000.000	100%

Ngày 22/8/2017, cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CCH mệnh giá 10.000 đồng/CP, số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch 1.000.000 cổ phiếu, và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 30/8/2017.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 21, đường Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Văn Châu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 15/06/2020)
Ông Vũ Quốc Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 09/06/2020)
Ông Đỗ Đình Long	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 09/06/2020)
Ông Nguyễn Phương Đông	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 09/06/2020)
Bà Nguyễn Hương Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 09/06/2020)
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 10/06/2020)
Bà Trần Kim Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 10/06/2020)
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 10/06/2020)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Quốc Hùng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/08/2020)
Ông Đỗ Đình Long	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2020)
Ông Bùi Đỗ Trọng Hùng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/08/2020)
Ông Đặng Văn Châu	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/08/2020)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

Ban Kiểm soát

Ông Giang Quốc Khánh

Bà Đỗ Thị Thu Hiền

Bà Hồ Thu Hằng

Ông Vũ Huyền Linh

Chức vụ

Trưởng Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành Viên Hạng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

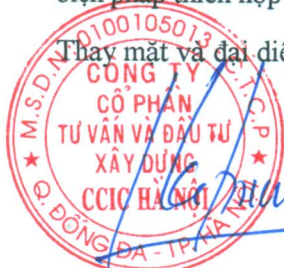
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Quốc Hùng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Tư vấn
và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội, được lập ngày 29/3/2021, từ trang 06 đến trang 29 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến ngày lập Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận liên quan đến số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của các khoản công nợ Phải thu Khách hàng, Người mua trả tiền trước và Phải trả người bán với giá trị các khoản công nợ chưa nhận được thư xác nhận độc lập lần lượt là Phải thu khách hàng: 7.576.294.509 đồng, Người mua trả tiền trước: 5.357.121.432 đồng và trả trước cho người bán: 32.770.780 đồng. Bên cạnh đó, số dư một số khoản công nợ Phải thu khách hàng tồn đọng trên 02 năm với giá trị 14.448.754.350 đồng chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Các thủ tục kiểm toán thay thế khác không mang lại cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ và khả năng thu hồi của số dư các khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như ảnh hưởng nếu có của chúng tới các chỉ tiêu có liên quan trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.4, Công ty đang ghi nhận khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số dự án tồn đọng trên 02 năm với giá trị tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là 6.083.431.379 đồng. Dựa trên thông tin hiện có, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định khả năng thu hồi cũng như khả năng tiếp tục thi công của một số công trình dở dang tồn đọng nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục nói trên hay không và ảnh hưởng cần thiết có liên quan đến Báo cáo tài chính kèm theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán. Kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 26/03/2020 với ý kiến ngoại trừ về việc chưa thu thập được đầy đủ biên bản xác nhận các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khách hàng, người mua trả tiền trước, phải trả người bán và chưa thực hiện trích lập dự phòng đối với công nợ phải thu khách hàng tồn đọng, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số dự án tồn đọng trên 02 năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 18/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 01/09/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế IN PACT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Vũ Xuân Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.261.775.875	44.427.160.485
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	981.998.089	1.732.207.959
1. Tiền	111		981.998.089	1.732.207.959
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.050.280.834	31.033.014.143
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	23.207.841.361	23.977.595.047
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		40.470.781	316.592.699
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	5.801.968.692	6.738.826.397
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	9.229.496.952	11.661.875.198
1. Hàng tồn kho	141		9.229.496.952	11.661.875.198
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	63.185
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	-	63.185
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.219.075.786	2.377.648.726
II. Tài sản cố định	220		2.050.742.194	2.169.235.690
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	2.050.742.194	2.169.235.690
- Nguyên giá	222		4.512.768.375	4.929.033.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.462.026.181)	(2.759.797.685)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		168.333.592	208.413.036
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	168.333.592	208.413.036
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270= 100+200)	270		41.480.851.661	46.804.809.211

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		29.506.031.746	34.724.237.033
I. Nợ ngắn hạn	310		29.506.031.746	34.724.237.033
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	630.051.024	1.458.594.320
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.8	8.523.361.094	11.214.156.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	2.805.855.551	4.058.156.127
4. Phải trả người lao động	314		1.600.030.903	1.881.051.520
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	3.500.759.307	3.470.237.655
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.11	422.245.455	785.881.819
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	10.409.425.327	10.199.786.634
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	1.449.839.132	1.454.073.240
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		164.463.953	202.299.219
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)	400		11.974.819.915	12.080.572.178
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	11.974.819.915	12.080.572.178
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.542.301	1.542.301
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.858.265.143	1.858.265.143
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115.012.471	220.764.734
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421		115.012.471	220.764.734
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		41.480.851.661	46.804.809.211

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thu

Thu

Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Thủy



Giám đốc

Vũ Quốc Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	10.853.495.704	19.788.515.359
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.15	181.134.000	759.711.368
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01- 02)	10	5.15	10.672.361.704	19.028.803.991
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	7.672.983.850	14.891.365.002
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.999.377.854	4.137.438.989
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	921.639	1.480.655
7. Chi phí tài chính	22	5.18	17.834.919	39.658.700
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.834.919	39.658.700
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.19	3.369.261.605	4.132.407.369
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(386.797.031)	(33.146.425)
11. Thu nhập khác	31	5.20	578.770.689	390.482.936
12. Chi phí khác	32	5.20	48.746.075	62.131.275
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		530.024.614	328.351.661
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40+45)	50		143.227.583	295.205.236
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	28.215.112	74.440.502
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		115.012.471	220.764.734
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	115,01	200,00

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Thủy



Vũ Quốc Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	143.227.583	295.205.236
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	118.493.496	118.493.496
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(78.194.366)	(1.480.655)
- Chi phí lãi vay	06	(17.834.919)	119.937.467
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	165.691.794	532.155.544
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.982.796.494	1.044.593.129
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.432.378.246	1.847.722.679
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.282.280.185)	(869.283.035)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	40.079.444	371.375.470
- Tiền lãi vay đã trả	14	(17.834.919)	(119.937.467)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(74.440.502)	(89.922.287)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	900.000	10.900.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(59.500.000)	(55.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(812.209.628)	2.672.304.033
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	77.272.727	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	921.639	1.480.655
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	78.194.366	1.480.655
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ cho vay	33	2.931.333.817	2.828.168.260
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.935.567.925)	(3.678.226.424)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.960.500)	(314.058.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.194.608)	(1.164.116.764)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50= 20+ 30+40)	50	(750.209.870)	1.509.667.924
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.732.207.959	222.540.035
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70= 50+ 60+ 61)	70	981.998.089	1.732.207.959

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Thủy



Giám đốc
 Vũ Quốc Hùng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Giao thông Công chính Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103007859 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/5/2005; thay đổi lần thứ 4 ngày 08/9/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư là 10.000.000.000 đồng. Chi tiết các cổ đông như sau:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị (UDIC)	300.000	3.000.000.000	30%
Các cổ đông khác	700.000	7.000.000.000	70%
Cộng	1.000.000	10.000.000.000	100%

Ngày 22/8/2017, cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CCH mệnh giá 10.000 đồng/CP, số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch 1.000.000 cổ phiếu, và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 30/8/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 21, đường Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 39 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 51 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ. Ngành nghề kinh doanh bao gồm:

- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thí nghiệm xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của đất đá nền móng các công trình xây dựng, khảo sát kinh tế-xã hội và điều tra lưu lượng giao thông;
- Lập quy hoạch các khu đô thị, khu công nghiệp và quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng;
- Lập dự án tiền khả thi, dự án khả thi và lập tổng dự toán các công trình: Kiến trúc dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cấp-thoát nước, công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, xử lý kỹ thuật môi trường, cung cấp điện dân dụng và chiếu sáng công cộng;
- Thiết kế kỹ thuật các công trình;
- Tư vấn thẩm định lập dự án và tổng mức đầu tư, thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình;
- Tư vấn thẩm định dự án như: Tư vấn giám sát kỹ thuật (tư vấn giám sát chất lượng xây dựng, tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông, giám sát thi công), tư vấn lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ địa chính và cắm mốc giải phóng mặt bằng;
- Tổ chức kinh doanh dịch vụ công cộng, dịch vụ giao thông vận tải, dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch khách sạn;
- Đầu tư xây dựng các khu đô thị, công nghiệp, du lịch, vui chơi giải trí (trừ các loại hình vui chơi, giải trí nhà nước cấm), phát triển nhà ở và kinh doanh bất động sản;
- Thực hiện tổng thầu EPC, BOT, BT các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Thi công xây dựng và thực nghiệm chuyển giao công nghệ mới các công trình: Kiến trúc dân dụng, nhà ở, giao thông, thủy lợi các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Đánh giá chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu xây dựng, đánh giá tác động môi trường, quan trắc biến dạng công trình;
- Lập quy hoạch hệ thống giao thông, các công trình văn hóa, di tích, thể thao, vui chơi giải trí;
- Lập Báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình xây dựng;
- Phân tích đánh giá lựa chọn nhà thầu, kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng và công trình xây dựng;
- Dịch vụ quảng cáo và dịch vụ vui chơi giải trí: kinh doanh điện lực;
- Thiết kế công trình xây dựng biển;
- Thiết kế công trình cảng đường thủy;
- Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;
- Thi công xây dựng và thực nghiệm chuyển giao công nghệ mới các công trình văn hóa, hạ tầng xã hội, thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị trực thuộc	Hoạt động chính
1	Xí nghiệp Tư vấn 1	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
2	Xí nghiệp Tư vấn 2	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
3	Xí nghiệp khảo sát thiết kế	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
4	Phòng Tư vấn Giám sát	Giám sát thi công công trình

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Công ty không trích lập là do không có giảm giá hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh khi Công ty thực hiện cổ phần hóa, Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 20 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí khác

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay, lãi trái phiếu trích trước theo các hợp đồng và các chi phí trích trước khác như: chi phí bán hàng tại các dự án và các chi phí trích trước khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

Năm 2020, công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ mà Công ty cung cấp và phân phối. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	6.719.175	38.574.208
Tiền gửi ngân hàng	975.278.914	1.693.633.751
Tổng	981.998.089	1.732.207.959

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	23.207.841.361	23.977.595.047
Công ty TNHH MTV Ha Nel	555.405.865	555.405.865
Công ty CP Xây dựng Lắp máy Điện nước Hà Nội	1.362.143.500	1.862.143.500
Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Nhà đô thị (HUD)	1.551.963.857	1.295.210.857
Công ty CP Đầu tư Phát triển và KCN Sông Đà	1.470.622.922	1.521.784.091
Ban quản lý Dự án Xây dựng Giao thông tỉnh Bắc Ninh	2.407.084.000	2.524.968.000
Các đối tượng khác (*)	15.860.621.217	16.218.082.734
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	534.743.716	692.236.827
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>		
Tổng	23.207.841.361	23.977.595.047

(*) Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.3 Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	5.801.968.692	-	6.738.826.397	-
- Tạm ứng	39.086.701	-	283.718.364	-
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	-	-	1.332.317	-
- Phải thu khác liên quan đến các công trình đang thực hiện	5.762.881.991	-	6.453.775.716	-
+ Phải thu XN Tư vấn 1	866.608.168	-	584.143.263	-
+ Phải thu XN Tư vấn 2	-	-	116.135.136	-
+ Phải thu XN Tư vấn 3	852.910.435	-	1.733.761.392	-
+ Phải thu XN Tư vấn giám sát	62.152.653	-	102.967.736	-
+ Phải thu XN Cầu đường	25.592.090	-	125.470.433	-
+ Phải thu XN Khảo sát Thiết kế	3.888.702.798	-	3.722.932.407	-
+ Phải thu cổ phần hóa	17.503.000	-	17.503.000	-
+ Đối tượng khác	49.412.847	-	50.862.349	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	5.801.968.692	-	6.738.826.397	-

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	9.229.496.952	-	11.661.875.198	-
Tổng	9.229.496.952	-	11.661.875.198	-

(*) Trong đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số dự án tồn đọng trên 02 năm với giá trị tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là 6.083.431.379 đồng, chi tiết như sau:

Tên công trình	Giá trị tại 31/12/2020 (VND)
Lập dự án đầu tư xây dựng tuyến đường số 5 vào trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	952.962.708
Công trình khác	5.130.468.671
Tổng	6.083.431.379

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	3.537.775.835	261.628.335	1.086.719.545	42.909.660	4.929.033.375
Giảm trong năm	-	-	416.265.000	-	416.265.000
Thanh lý	-	-	416.265.000	-	416.265.000
Số dư tại 31/12/2020	3.537.775.835	261.628.335	670.454.545	42.909.660	4.512.768.375
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2020	1.378.671.565	261.628.335	1.086.719.545	32.778.240	2.759.797.685
Tăng trong năm	111.341.880	-	-	7.151.616	118.493.496
Khấu hao trong năm	111.341.880	-	-	7.151.616	118.493.496
Giảm trong năm	-	-	416.265.000	-	416.265.000
Thanh lý	-	-	416.265.000	-	416.265.000
Số dư tại 31/12/2020	1.490.013.445	261.628.335	670.454.545	39.929.856	2.462.026.181
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2020	2.159.104.270	-	-	10.131.420	2.169.235.690
Số dư tại 31/12/2020	2.047.762.390	-	-	2.979.804	2.050.742.194

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 2.047.762.390 đồng (tại ngày 01/01/2020 là 2.159.104.270 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 932.082.880 đồng (tại ngày 01/01/2020 là 1.348.347.880 đồng).

5.6 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Lợi thế thương mại nhà 21 Huỳnh Thúc Kháng	168.333.592	208.413.036
Tổng	168.333.592	208.413.036

5.7 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trường An	-	-	613.398.146	613.398.146
Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Hà Nội (UAC)	229.183.673	229.183.673	229.183.673	229.183.673
Công ty Phú Thái	274.759.997	274.759.997	274.759.997	274.759.997
Các đối tượng khác	126.107.354	126.107.354	341.252.504	341.252.504
Tổng	630.051.024	630.051.024	1.458.594.320	1.458.594.320

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.8 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội	907.497.914	68.497.914
Đối tượng khác	7.615.863.180	11.145.658.585
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	26.612.000	26.612.000
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>		
Tổng	8.523.361.094	11.214.156.499

(*) Phải trả các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả các nhà cung cấp có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ người mua trả tiền trước.

5.9 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
Phải nộp	4.058.156.127	1.325.259.894	2.577.560.470	2.805.855.551
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.862.739.454	943.660.751	1.476.230.500	2.330.169.705
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.440.502	28.215.112	74.440.502	28.215.112
Thuế thu nhập cá nhân	374.328.139	112.734.649	466.405.321	20.657.467
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	197.766.492	103.907.492	93.859.000
Các loại thuế khác	746.648.032	42.882.890	456.576.655	332.954.267
Phải thu	63.185	63.185	-	-
Thuế và các khoản phải thu khác	63.185	63.185	-	-

5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	194.791.229	279.394.909
Chi phí phải trả các hợp đồng khảo sát, tư vấn thiết kế	3.305.968.078	3.190.842.746
Tổng	3.500.759.307	3.470.237.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.11 Doanh thu chưa thực hiện

Tên công trình	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp mở rộng đường 70 (đoạn Hà Đông - Văn Điển) theo hợp đồng số 03/2011/HĐTV-LD ngày 24/01/2011	181.818.182	181.818.182
Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cải tạo xây dựng lại khu TN theo hợp đồng thầu phụ số 2016/HĐ-CCIC ngày 21/12/2016 và phụ lục số 01 ngày 1/08/2017	99.627.273	99.627.273
Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án trại bảo tồn gấu Ninh Bình	90.909.091	-
Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng CCN CN3 tại xã Mai Đình và xã Tiên Dược huyện Sóc Sơn, Hà Nội theo hợp đồng số 11 ngày 17/01/2017	49.890.909	504.436.364
Tổng	422.245.455	785.881.819

(*) Doanh thu chưa thực hiện trong năm liên quan đến các công trình đã nhận tiền ứng trước của khách hàng và xuất hóa đơn, tuy nhiên chưa nghiệm thu hoàn thành.

5.12 Phải trả khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	10.409.425.327	10.199.786.634
Bảo hiểm xã hội	62.254.500	-
Kinh phí công đoàn	96.572.240	41.836.120
Bảo hiểm y tế	1.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.680.662	-
Bảo hiểm tai nạn lao động	1.245.090	-
Phải trả cổ phần hóa	-	-
Phải trả phải nộp khác, trong đó:	10.244.671.835	10.157.950.514
<i>Phải trả XN Tư vấn 1</i>	<i>4.321.906.253</i>	<i>3.508.672.750</i>
<i>Phải trả XN Tư vấn 2</i>	<i>3.292.742.874</i>	<i>2.923.625.650</i>
<i>Phải trả XN Tư vấn 3</i>	<i>258.481.801</i>	<i>1.244.224.189</i>
<i>Phải trả phòng tư vấn giám sát</i>	<i>468.205.020</i>	<i>720.848.351</i>
<i>Phải trả XN Khảo sát Thiết kế</i>	<i>1.014.280.302</i>	<i>1.197.744.281</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>889.055.585</i>	<i>562.835.293</i>
b) Dài hạn	-	-
Tổng	10.409.425.327	10.199.786.634

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Số có khả năng trả nợ				Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị	
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (*)	1.454.073.240	1.454.073.240	2.931.333.817	2.935.567.925	1.449.839.132	1.449.839.132
	1.145.063.260	1.145.063.260	2.172.833.817	2.273.482.077	1.044.415.000	1.044.415.000
Vay cá nhân (**)	309.009.980	309.009.980	758.500.000	662.085.848	405.424.132	405.424.132
Tổng	1.454.073.240	1.454.073.240	2.931.333.817	2.935.567.925	1.449.839.132	1.449.839.132

(*) Bao gồm các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01-2019- HĐCVHM/NHCT128-CTCP TV & ĐT XD CCIC HN ngày 27/08/2019 với số tiền vay tối đa 5.000.000.000 đồng; thời hạn vay theo cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo thông báo của ngân hàng và được trả vào ngày 25 hàng tháng; tài sản đảm bảo là giá trị còn lại và lợi thế thương mại của tài sản trên đất tại số 21 phố Huỳnh Phúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01-2020- HĐCVHM/NHCT128-CTCP TV & ĐT XD CCIC HN ngày 11/09/2020 với số tiền vay tối đa 5.000.000.000 đồng. thời hạn vay theo cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo thông báo của ngân hàng và được trả vào ngày 25 hàng tháng; tài sản đảm bảo là giá trị còn lại và lợi thế thương mại của tài sản trên đất tại số 21 phố Huỳnh Phúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

(**) Các hợp đồng vay cá nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, lãi suất vay 0%, không có tài sản thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại 01/01/2019	10.000.000.000	1.542.301	1.818.265.143	82.955.324	11.902.762.768
Lãi trong năm trước	-	-	-	220.764.734	220.764.734
Phân phối lợi nhuận	-	-	40.000.000	(82.955.324)	(42.955.324)
Số dư tại 31/12/2019	10.000.000.000	1.542.301	1.858.265.143	220.764.734	12.080.572.178
Số dư tại 01/01/2020	10.000.000.000	1.542.301	1.858.265.143	220.764.734	12.080.572.178
Lãi trong năm nay	-	-	-	115.012.471	115.012.471
Chia cổ tức	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(20.764.734)	(20.764.734)
Số dư tại 31/12/2020	10.000.000.000	1.542.301	1.858.265.143	115.012.471	11.974.819.915

* Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020 ngày 09/06/2020, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

- Chia cổ tức 2% vốn điều lệ: 200.000.000 đồng
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 20.764.734 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC - Công ty	3.000.000.000	3.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	7.000.000.000	7.000.000.000
Tổng	10.000.000.000	10.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	220.764.734	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.853.495.704	19.788.515.359
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế và dịch vụ khác	10.853.495.704	19.788.515.359
Giảm trừ doanh thu	181.134.000	759.711.368
Giảm giá hàng bán	181.134.000	759.711.368
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.672.361.704	19.028.803.991

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế và dịch vụ khác	7.672.983.850	14.891.365.002
Tổng	7.672.983.850	14.891.365.002

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	921.639	1.480.655
Tổng	921.639	1.480.655

5.18 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	17.834.919	39.658.700
Tổng	17.834.919	39.658.700

5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.532.508	83.180.681
Chi phí nhân viên quản lý	2.272.862.044	2.642.765.715
Chi phí công cụ, dụng cụ	21.242.727	64.169.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.921.912	99.165.898
Thuế, phí, lệ phí	182.138.138	167.063.473
Lợi thế thương mại	33.754.248	27.556.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	305.781.025	673.398.840
Chi phí khác	380.029.003	375.106.825
Tổng	3.369.261.605	4.132.407.369

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.20 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Tiền chậm nộp tiền thuê đất	-	25.565.593
Xử lý công nợ phải trả	501.497.962	364.917.343
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán từ TSCĐ	77.272.727	-
Tổng	578.770.689	390.482.936
Chi phí khác		
Các khoản phạt thuế	48.746.075	62.131.275
Tổng	48.746.075	62.131.275
Thu nhập khác/ chi phí khác (thuần)	530.024.614	328.351.661

5.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	143.227.583	295.205.236
Điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế	58.308.075	76.997.275
<i>Thù lao của Hội đồng quản trị không tham gia điều hành</i>	<i>9.562.000</i>	<i>14.866.000</i>
<i>Các khoản thuế bị phạt, truy thu</i>	<i>48.746.075</i>	<i>62.131.275</i>
Lợi nhuận tính thuế TNDN	201.535.658	372.202.511
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.307.112	74.440.502
Thuế TNDN được giảm (*)	12.092.000	-
Tổng	28.215.112	74.440.502

(*) Theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 116/2020/NQ14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, Công ty thuộc đối tượng được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020.

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thu nhập chịu thuế	115.012.471	220.764.734
Các khoản điều chỉnh giảm		
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>-</i>	<i>20.764.734</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và trích quỹ	115.012.471	200.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	115,01	200,00

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.23 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	791.006.376	1.575.336.775
Chi phí nhân viên	5.455.769.124	11.033.075.448
Chi phí công cụ, dụng cụ	21.242.727	64.169.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.921.912	118.493.496
Thuế, phí, lệ phí	182.138.138	167.063.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.328.803.056	3.070.820.359
Chi phí khác	982.632.614	1.147.090.278
Tổng	8.862.513.947	17.176.049.692

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC - Công ty	Cổ đông

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	582.042.000	647.209.000

Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu từ các bên liên quan	-	3.206.363.636
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	-	3.206.363.636

Số dư bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		534.743.716	692.236.827
Tổng Công ty Phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	Tư vấn	534.743.716	692.236.827
Người mua trả tiền trước		26.612.000	26.612.000
Tổng Công ty Phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	Tư vấn	26.612.000	26.612.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thủy

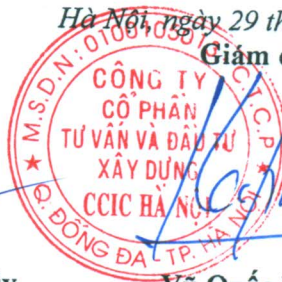
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thủy

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Giám đốc



Vũ Quốc Hùng